FireAnt

# CTCP Đầu tư TDG Global (HSX: TDG)

| Thông tin giao dịch | 31/12/2024 |
|---|---|
| Giá hiện tại (VNĐ) | 3,600 |
| Cao nhất 52 tuần (VNĐ) | 4,633 |
| Thấp nhất 52 tuần (VNĐ) | 2,850 |
| SL cổ phiếu LH | 23,242,732 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 17,555 |
| % sở hữu nước ngoài | 0.0% |
| Vốn điều lệ (tỷ VNĐ) | |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 84 |
| P/E | 14.8 |
| EPS | 243 |

| | YTD | 1T | 3T | 6T |
|---|---|---|---|---|
| TDG | -2.4% | -15.0% | -17.6% | |
| VNINDEX | 2.1% | -0.2% | -1.3% | |

## Cơ cấu Tổng tài sản

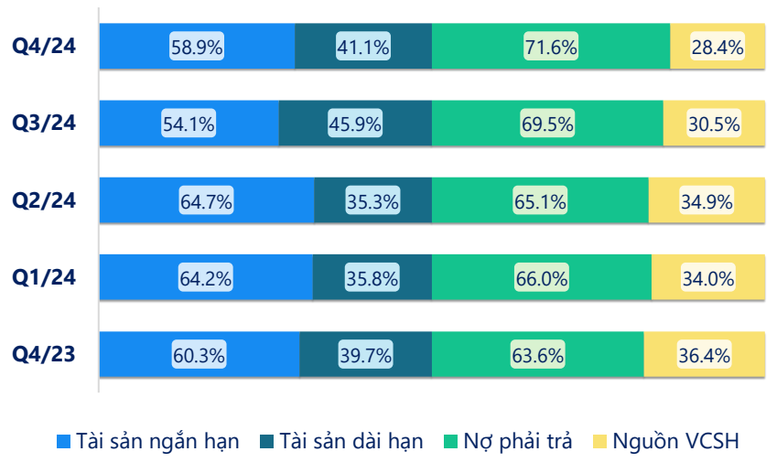


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

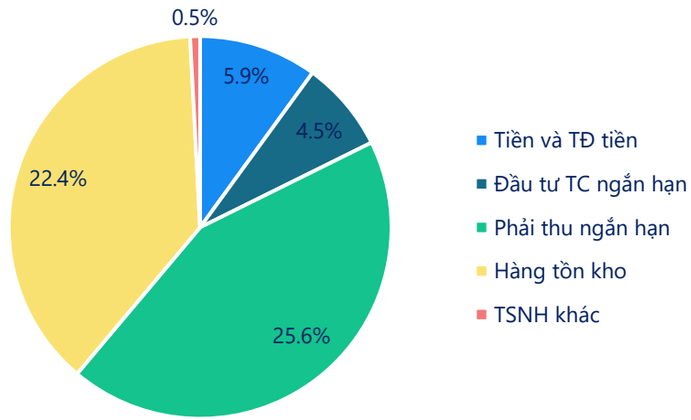


Q4/24

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu sở hữu

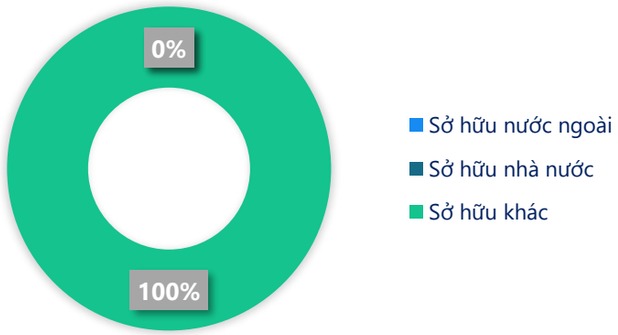


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu cổ đông

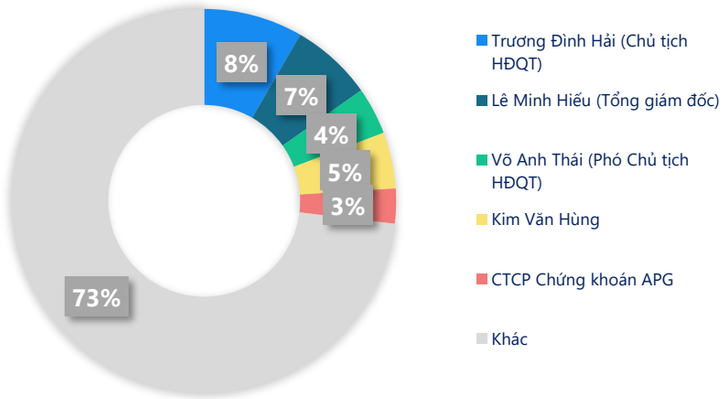


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

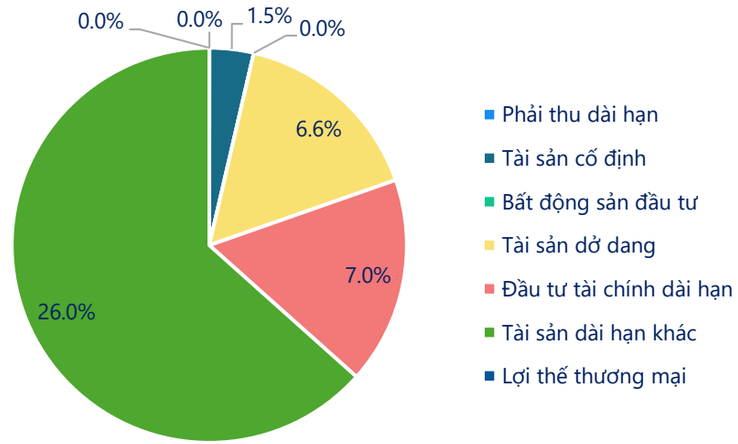


Q4/24

*(Nguồn: fireant.vn)*

Powered by Infographic

# CTCP Đầu tư TDG Global (HSX: TDG)

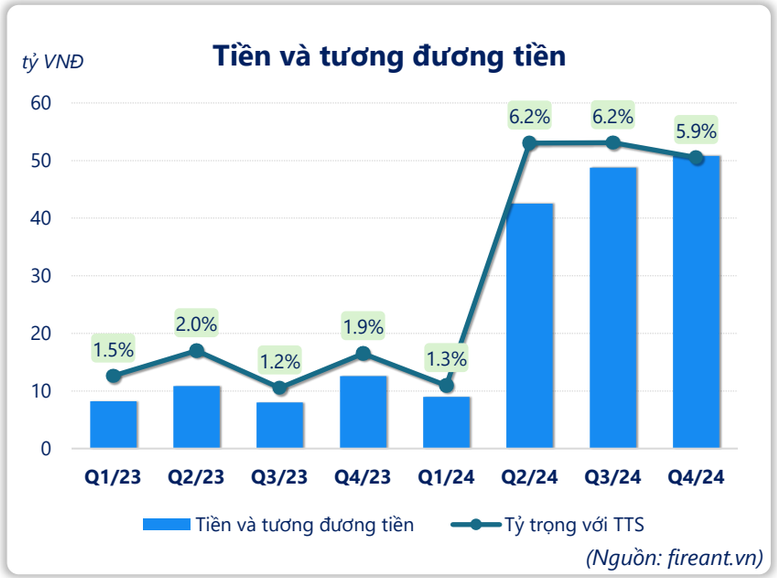


*(Nguồn: fireant.vn)*

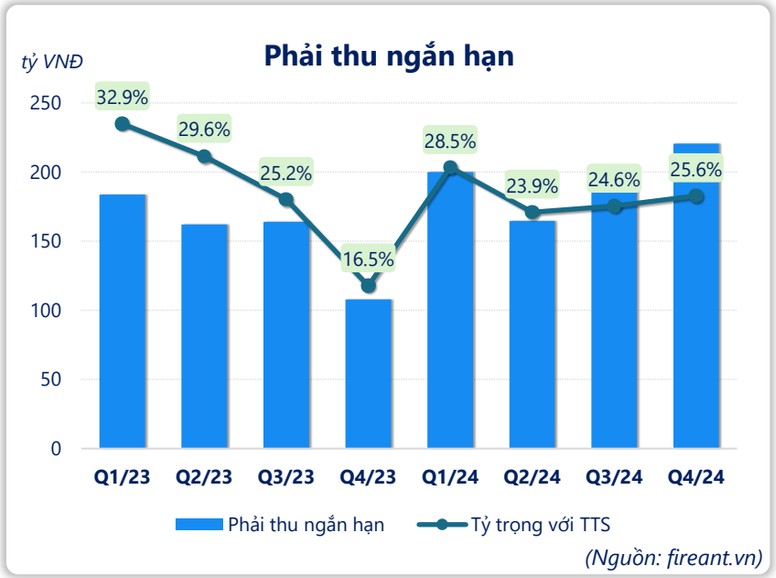


*(Nguồn: fireant.vn)*

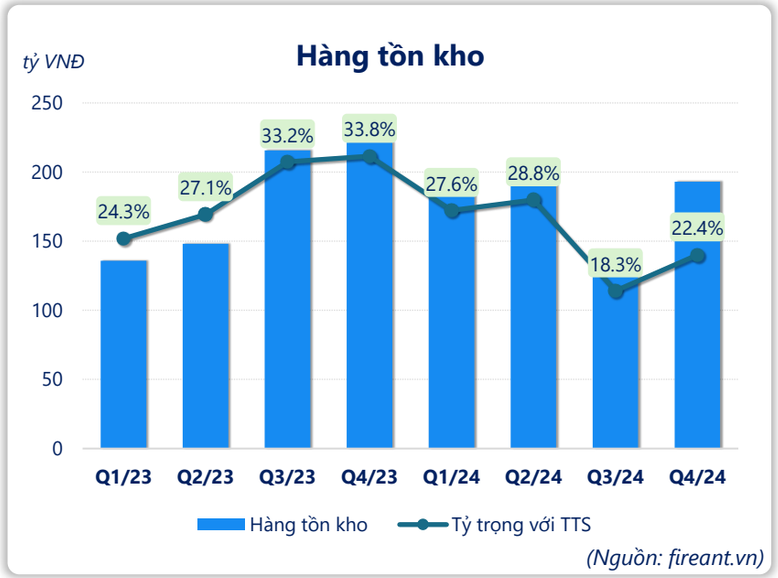


*(Nguồn: fireant.vn)*

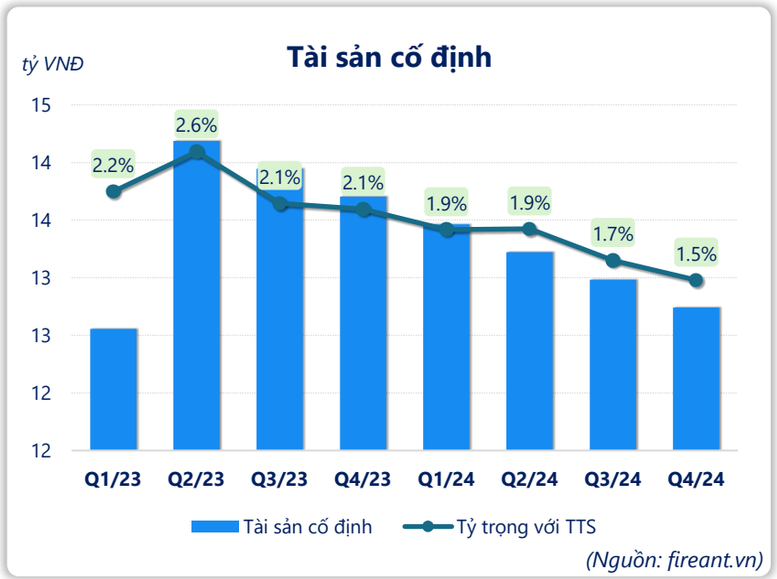


*(Nguồn: fireant.vn)*

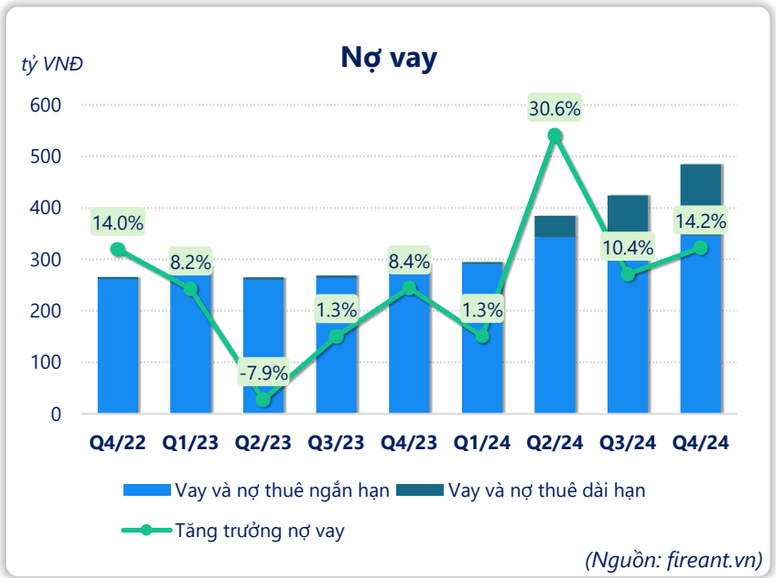


*(Nguồn: fireant.vn)*

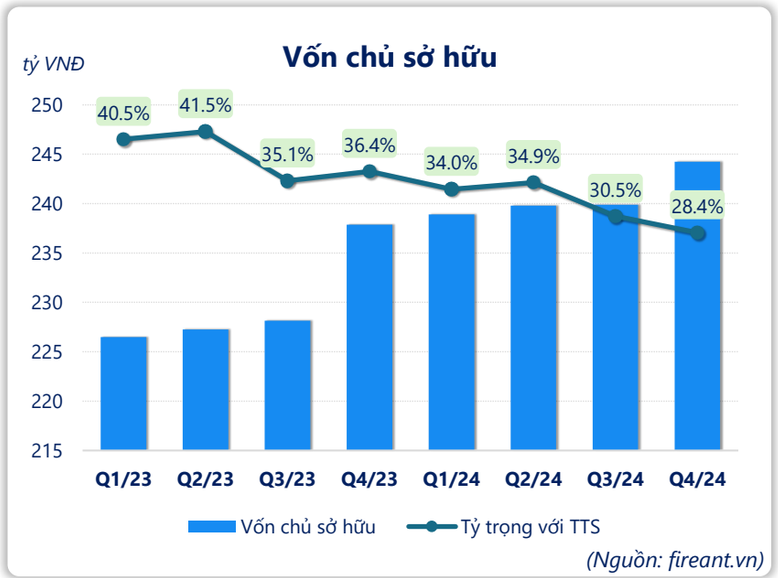


*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic

# CTCP Đầu tư TDG Global (HSX: TDG)

## Kết quả kinh doanh

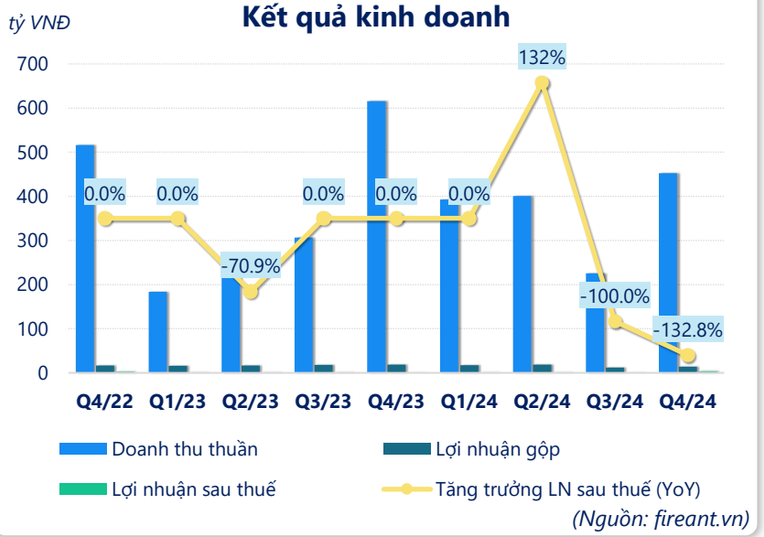


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất lợi nhuận

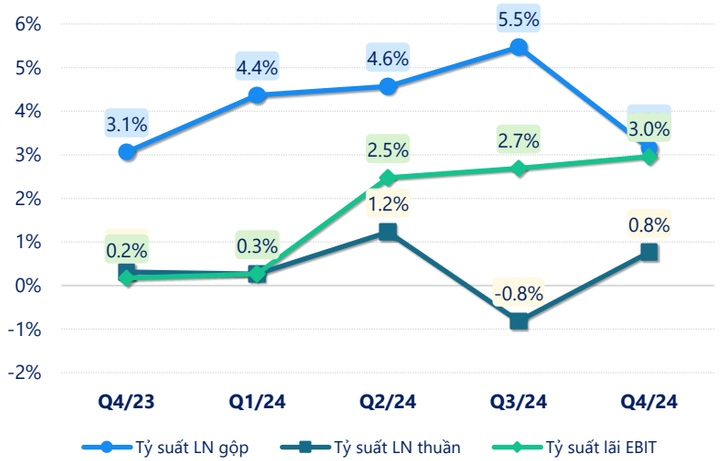


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất sinh lợi

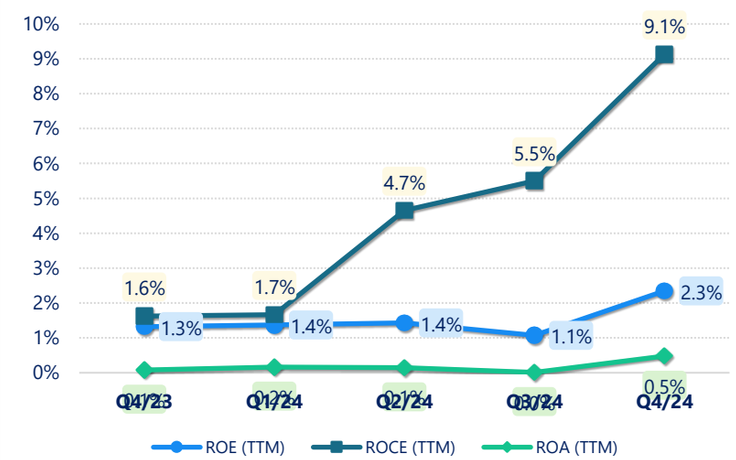


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Vòng quay tài sản

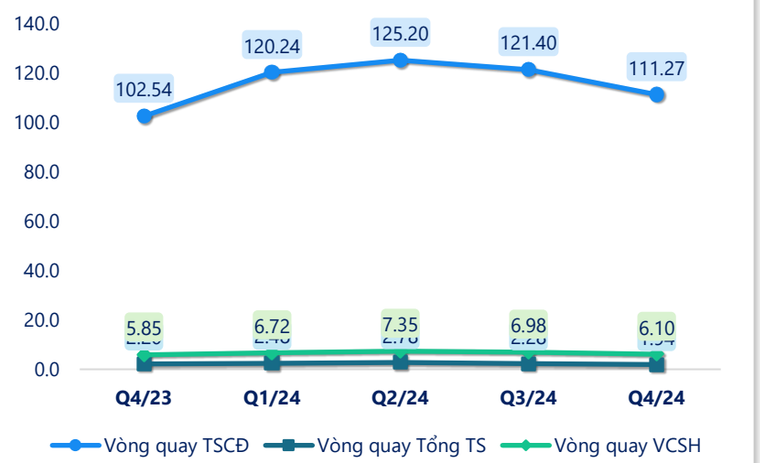


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Chỉ số thanh khoản

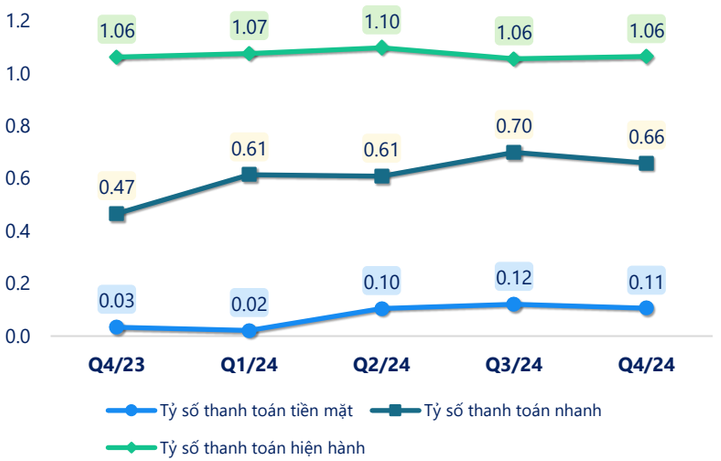


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Lưu chuyển tiền

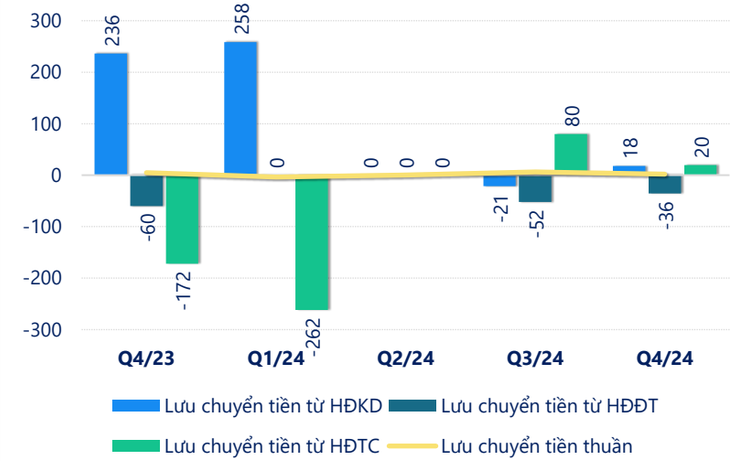


*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic

# CTCP Đầu tư TDG Global (HSX: TDG)

| CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)* | Tại ngày 31/12/2024 | Tại ngày 31/12/2023 | Thay đổi |
|---|---|---|---|
| **Tổng tài sản** | **861** | **654** | **31.6%** |
| **Tài sản ngắn hạn** | 508 | 395 | 28.6% |
| Tiền và tương đương tiền | 50.8 | 12.6 | 303% |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 39.0 | 42.9 | -9.1% |
| Phải thu ngắn hạn | 221 | 108 | 104% |
| Hàng tồn kho | 193 | 221 | -12.8% |
| Tài sản ngắn hạn khác | 4.24 | 9.95 | -57.4% |
| **Tài sản dài hạn** | **354** | **260** | **36.2%** |
| Phải thu dài hạn | 0.06 | 0.06 | 0.0% |
| Tài sản cố định | 12.7 | 13.7 | -7.0% |
| Bất động sản đầu tư | 0 | 0 | |
| Tài sản dở dang | 56.6 | 0 | |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 60.0 | 60.0 | 0.0% |
| Tài sản dài hạn khác | **224** | **186** | **20.6%** |
| Lợi thế thương mại | 0 | 0 | |
| **Nợ phải trả** | 617 | 416 | 48.1% |
| **Nợ ngắn hạn** | **477** | **372** | **28.4%** |
| Vay và nợ thuê ngắn hạn | 345 | 287 | 20.5% |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 128 | 81.7 | 56.4% |
| **Nợ dài hạn** | 140 | 44.5 | 213% |
| Vay và nợ thuê dài hạn | 139 | 3.81 | 3544% |
| **Nguồn vốn chủ sở hữu** | **244** | **238** | **2.7%** |
| **Vốn chủ sở hữu** | **244** | **238** | **2.7%** |
| Vốn điều lệ | 232 | 194 | 20.0% |
| **Kinh phí và quỹ khác** | **0** | **0** | |

*(Nguồn: fireant.vn)*

| KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)* | Q4/23 | Q1/24 | Q2/24 | Q3/24 | Q4/24 |
|---|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu thuần** | 616 | 392 | 401 | 225 | 453 |
| Giá vốn hàng bán | 597 | 375 | 383 | 213 | 438 |
| **Lợi nhuận gộp** | 18.9 | 17.1 | 18.3 | 12.3 | 14.3 |
| Doanh thu HĐTC | 1.27 | 0.00 | 1.25 | 0.01 | 0.91 |
| Chi phí TC | 7.50 | 6.55 | 7.81 | 5.99 | 9.95 |
| **Chi phí lãi vay** | 0 | 0 | 7.81 | 5.99 | 9.95 |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí bán hàng | 8.49 | 0 | 14.5 | 6.64 | 0.84 |
| Chi phí QLDN | 2.22 | 9.55 | -7.67 | 1.54 | 0.95 |
| **LN thuần từ HĐKD** | 1.92 | 1.05 | 4.92 | -1.84 | 3.44 |
| Lợi nhuận khác | -0.85 | 0 | -2.81 | 1.92 | 0.00 |
| **LN trước thuế** | 1.07 | 1.05 | 2.11 | 0.08 | 3.44 |
| **Lợi nhuận sau thuế** | 0.48 | 1.05 | 0.90 | 0.08 | 3.63 |
| **LNST của CĐ cty mẹ** | 0.48 | 1.05 | 0.90 | 0.08 | 3.63 |

*(Nguồn: fireant.vn)*

| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)* | Q4/23 | Q1/24 | Q2/24 | Q3/24 | Q4/24 |
|---|---|---|---|---|---|
| Lưu chuyển tiền từ HĐKD | 236 | 258 | 0 | -21.3 | 17.9 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐĐT | -60.0 | 0.00 | 0 | -52.2 | -35.6 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐTC | -172 | -262 | 0 | 79.8 | 19.8 |
| Tiền đầu kỳ | 7.99 | 12.6 | 0 | 42.5 | 48.7 |
| **Lưu chuyển tiền thuần** | **4.59** | **-3.62** | **0** | **6.22** | **2.03** |
| Ảnh hưởng tỷ giá | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tiền cuối kỳ | 12.6 | 8.97 | 0 | 48.7 | 50.8 |

*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic